TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2017/DS-ST
Ngày: 13-7-2017.
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga

2. Ông Trần Văn Dá

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Huệ Chi, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2015/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2015 về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị C, sinh năm 1938 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Thạch Thị Q, sinh năm 1961. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2015) (Có mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Út là Luật sư của Văn phòng Luật sư Việt Út thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần P, sinh năm 1949 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lý Thị S (vợ ông Trần P), sinh năm 1953 (Có mặt);

3.2. Bà Thạch Thị Q, sinh năm 1961 (Có mặt);

3.3. Bà Thạch Thị T, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

3.4. Bà Thạch Thị T1, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

3.5. Bà Thạch Thị T2, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

3.6. Bà Thạch Thị T3, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

3.7. Bà Thạch Thị C1, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà T, bà T1, bà T2, bà T3 và bà C1 là bà Thạch Thị Q, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2016).

3.8. Bà Lâm Thị D, sinh năm 1952 (Vắng mặt);

3.9. Ông Lý Ngọc V (Vắng mặt);

3.10. Ông Lý Hồng D (Vắng mặt);

3.11. Bà Lý Y (Vắng mặt);

3.12. Ông Lý H (Vắng mặt);

3.13. Ông Lý H1 (Vắng mặt);

3.14. Bà Lý Thị Hồng D1 (Vắng mặt);

Cùng trú ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3.15. Ông Lý V1(Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Vợ và các con của ông Lý H3)

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Lý C, sinh năm 1939 (Có mặt);

4.2. Bà Nguyễn Thị C4, sinh năm 1944 (Vắng mặt);

4.3. Bà Trần Thị D2, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

4.4. Bà Huỳnh Thị K1, sinh năm 1950 (Vắng mặt);

4.5. Ông Châu Văn D5, sinh năm 1953 (Vắng mặt);

Cùng trú ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. *Người phiên dịch tiếng Khmer:* Ông Thạch N, Ban Tri sự chùa X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2015 của nguyên đơn bà Lý Thị C, lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2016 và lời khai tại Tòa án của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thạch Thị Q trình bày:

Đất tranh chấp tại thửa 324, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có nguồn gốc của vợ chồng ông Lý C, bà Nguyễn Thị C4 (Trong sổ mục kê lại do ông Lý H3 đứng tên). Năm 1973 vợ chồng bà Lý Thị C, ông Thạch K (đã chết) mua lại của vợ chồng ông Lý C diện tích ngang 16m, dài 24,5m, mua với giá 10 tạ lúa (Việc mua bán không làm giấy tờ). Sau khi mua sử dụng làm chuồng trâu, đến năm 1981 thì bà C cho con ruột là bà Thạch Q mượn sử dụng, năm 1983 khi bà Thạch Q không sử dụng nữa thì bà C dùng làm đường đi và sân phơi lúa. Năm 2015 ông Trần P ngang nhiên bao chiếm toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Trần P trả lại diện tích đất ngang 16m, dài 24,5m, tọa lạc tại thửa 324, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2016 và lời khai tại Tòa án bị đơn ông Trần P trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc của vợ chồng ông Lý C, bà Nguyễn Thị C4, năm 1974 vợ chồng ông Lý C bán lại cho mẹ ruột ông P là bà Lý C, bán hai miếng đất gồm 1 công tầm cấy đất ruộng và một nền thổ cư (hiện là đất đang tranh chấp) giá 100.000 đồng (tiền xưa), có làm giấy tay do ông Thạch K (Chồng bà Lý Thị C) viết, nhưng trong giấy không có chữ ký tên của bên bán và bên mua. Năm 1975 bà Lý C cho ông và anh rể là ông Thạch K mượn cất chuồng trâu trên đất. Sử dụng đến năm 1981 vợ chồng bà C dời đi nơi khác, dở chuồng trâu đi và trả đất lại cho ông.

Nay ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị T1, bà Thạch Thị T2, bà Thạch Thị T3 và bà Thạch Thị C1 đã ủy quyền cho bà Thạch Thị Q, nên không có lời trình bày.

Tại Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị S trình bày:

Bà S có lời trình bày giống như chồng của bà là ông Trần P đã trình bày tại tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ và các con của ông Lý H3 gồm bà Lâm Thị D, Lý Ngọc Vàng, Lý Hồng D, Lý Y, Lý H, Lý H, Lý V1 và Lý Thị Hồng D1 tất cả đều vắng mặt nên không có lời trình bày

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc bà C đòi lại đất là có cơ sở vì vợ chồng ông Lý C, bà C4 thừa nhận đất tranh chấp ông (bà) chuyển nhượng cho bà C, chứ không có chuyển nhượng cho mẹ ông Trần P và ông P cũng không có chứng cứ chứng minh việc ông Lý C chuyển nhượng đất, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn phần diện tích đất đã chiếm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

-Trong vụ án này, nguyên đơn bà Lý Thị C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần P trả lại diện tích đất lấn chiếm ngang 16m, dài 24,5m, tọa lạc tại thửa 324, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đất hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Trong sổ mục kê ruộng đất do ông Lý H3 đứng tên). Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt (trừ những người đã ủy quyền) không rõ lý do. Tại phiên tòa, các đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

-Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2016 xác định phần đất tranh chấp mà nguyên đơn bà C yêu cầu phía bị đơn phải trả lại theo đo đạc thực tế có diện tích 360m^2 loại đất ONT + CLN, tại thửa 324, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có hiện trạng gồm 2 phần được cắt ngang bởi con lộ đal phần trong lộ đal có diện tích 354m^2; phần ngoài lộ đal có diện tích 06m^2. Trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng ông Lý C, bà

Nguyễn Thị C4. Nguyên đơn bà Lý Thị C trình bày năm 1973 vợ chồng bà C, ông Thạch K mua lại phần đất của vợ chồng ông Lý C, bà C4. Việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Bị đơn ông Trần P trình bày năm 1974 vợ chồng ông Lý C, bà C4 bán lại cho mẹ ruột ông là bà Lý C, việc mua bán có làm giấy tay nhưng trong giấy không có chữ ký tên của bên bán và bên mua. Quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa ông Lý C khẳng định khoảng năm 1973 – 1974 vợ chồng ông Lý C, bà C4 có bán cho vợ chồng bà C, ông Thạch K một phần đất nền (phần đất tranh chấp) với giá 10 tạ lúa, không làm giấy tờ, sau khi bán vợ chồng ông Thạch K, bà C trực tiếp sử dụng đất, nay giữ vững việc mua bán trên và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Đồng thời khẳng định phần đất đang tranh chấp vợ chồng ông Lý C, bà C4 không có sang bán cho bà Lý C (Là mẹ ruột ông Trần P). Như vậy, nguyên đơn trình bày đất tranh chấp mua lại của vợ chồng ông Lý C, bà C4 là có sơ sở.

Căn cứ công văn số 916/UBND-VP ngày 03/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T trả lời: Đất tranh chấp do ông Lý H3 đứng tên sổ mục kê, nhưng việc ông Lý H3 có trực tiếp sử dụng hay không và quá trình sử dụng như thế nào do không có hồ sơ lưu nên không thể trả lời trực tiếp, đề nghị Tòa án xác minh. Ngoài ra, phần đất tranh chấp không nằm trong quy hoạch xây dựng các công trình công cộng ở địa phương, nhưng giáp lộ, diện tích hành lang lộ giới từ tim mỗi bên 09m, diện tích nằm trong hành lang lộ giới vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với phần diện tích đất tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã L xác nhận vị trí đất tranh chấp tại thửa 324, tờ bản đồ số 05, ấp K, xã L hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý tại Ủy ban nhân dân xã L do ông Lý H3 đứng tên sổ mục kê. Tòa án xác minh những hộ dân sống lân cận đất tranh chấp gồm bà Trần Thị D2, bà Huỳnh Thị K1, ông Châu Văn D5 đều khẳng định ông Lý H3 hoàn toàn không có sử dụng phần đất tranh chấp. Ngoài ra, tại Công văn số 01/2017/CV ngày 24/02/2017 của Công an xã Lâm Kiết, sau khi rà soát toàn bộ sổ sách đăng ký hộ khẩu lưu tại Công an xã L, không có hộ nào có người tên là Lý H3, tại Công văn số 04/2017/CV-UB ngày 24/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã L , sau khi rà soát toàn bộ sổ sách khai tử được lưu trữ tại Ủy ban xã không có người nào tên là Lý H3. Do đó, việc ông Lý H3 được ghi tên trong sổ mục kê đối với phần đất tranh chấp tại thửa 324, tờ bản đồ số 05 là không chính xác. Như vậy, việc Tòa án giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên đứng tên sổ mục kê.

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 5, Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành hạn mức giao đất ở, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng; công nhận diện tích đất ở; diện tích tối thiểu được tách thửa và xử lý một số trường hợp trong công tác cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng quy định cụ thể như sau:

"Điều 5. Công nhận diện tích đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.

1. Trường hợp đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định như sau:

a) Cá nhân hoặc hộ gia đình có từ 04 nhân khẩu trở xuống:

- Đối với khu vực đô thị: Trường hợp thửa đất có diện tích nhỏ hơn $200m^2$ thì công nhận toàn bộ diện tích thửa đất là đất ở; trường hợp thửa đất có diện tích lớn hơn hoặc bằng $200m^2$ thì công nhận diện tích đất ở là $200m^2$.

- Đối với khu vực nông thôn: Trường hợp thửa đất có diện tích nhỏ hơn $300m^2$ thì công nhận toàn bộ diện tích thửa đất là đất ở; trường hợp thửa đất có diện tích lớn hơn hoặc bằng $300m^2$ thì công nhận diện tích đất ở là $300m^2$.

Từ phân tích nêu trên nhận thấy, việc nguyên đơn bà Lý Thị C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần P phải trả lại diện tích đất tranh chấp là có căn cứ được qui định tại Điều 166 Bộ luật dân sự và Điều 166 Luật đất đai.

Tại phiên Tòa, đại diện nguyên đơn có sự thay đổi chỉ yêu cầu Tòa án công nhận và buộc bị đơn giao trả phần đất diện tích $354m^2$ nằm trong lộ đal. Xét thấy yêu cầu này trong phạm vi khởi kiện, hoàn toàn tự nguyện và phù hợp luật định nên được chấp nhận.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn bà Lý Thị C có trách nhiệm làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

- Năm 1973, nguyên đơn mua phần đất của ông Lý C có diện tích ngang 16m, dài 24,5m. Sau khi mua nguyên đơn sử dụng (Cất chuồng trâu và làm sân phơi lúa) từ đó cho đến khi xảy ra tranh chấp.

- Ngược lại bị đơn phản đối cho rằng phần đất này mẹ của bị đơn là bà Lý C đã mua của ông Lý C vào năm 1974 và cung cấp tờ giấy mua bán đất nhưng không có chữ ký của bên mua và bên bán. Tờ giấy tay mua bán đất không có căn cứ pháp lý.

- Nguyên đơn, bà C mua đất không làm giấy tờ nhưng tại phiên tòa được ông Lý C là chủ đất cũ khẳng định người mua đất là vợ chồng bà Lý Thị C, ông Thạch K.

Do đó có đủ cơ sở để xác định phần đất tranh chấp là của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn giao trả phần đất diện tích 354m^2 (phần diện tích nằm trong lộ đal) loại đất ONT + CLN, tại thửa 324, TBĐ 05, tọa lạc ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để nguyên đơn đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định.

Như đã phân tích trên, lời trình bày của vị Luật sư có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Vụ án thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV để áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ khởi kiện, nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

[4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.946.587đ (Hai triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng). Các chi phí này, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng 3.486.587đ (Ba triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng), hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền thừa 540.000đ (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) theo phiếu thu của Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn ông Trần P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà C đã nộp tạm ứng trước nên phía bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả bà C số tiền 2.946.587đ (Hai triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị C đòi bị đơn ông Trần P trả lại đất.

1.1. Công nhận diện tích 354m^2 loại đất ONT + CLN, tại thửa 324, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Do ông Lý H3 đứng tên sổ mục kê) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Lý Thị C, phần đất có số đo tứ cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông ông Huỳnh D có số đo 15,6m đo từ mí lộ đan vô vị trí tranh chấp là 5m;

+ Hướng Tây giáp đất ông Trần Ngọc B có số đo 11m (tính từ lộ đan 2,2m trở vô);

+ Hướng Nam giáp lộ đal 2,2m có các cạnh 13,5m + 12,3m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Lý H3 và ông Lê Văn B có số đo 24,6m (đo từ giáp đất ông Huỳnh D đến giáp ranh đất ông Trần Ngọc B).

1.2. Buộc bị đơn ông Trần P và vợ là bà Lý Thị S phải trả lại cho bà Lý Thị C quyền sử dụng đất; diện tích 354m^2 loại đất ONT + CLN, tại thửa 324, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng được nêu tại mục 1.1 phần quyết định của bản án (Có sơ đồ kèm theo).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn bà Lý Thị C có trách nhiệm làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

2.1. Bà Lý Thị C được nhận lại tiền tạm ứng chi phí thẩm định nộp thừa 540.000 đồng theo phiếu thu của Tòa án.

2.2. Ông Trần P phải thanh toán cho bà Lý Thị C số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2.946.587đ (Hai triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Hoàn trả cho bà Lý Thị C tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.900.000đ (Bốn triệu, chín trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 005240 ngày 19/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Ông Trần P và bà Lý Thị S phải liên đới chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;